Phục lục 1

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 2093 /YCBG-BVBT ngày 19 tháng 8 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
1	Hoá chất chạy mẫu khí máu có điện giải, Glucose, Lactate	G7	Hộp đo chứa các cảm biến, thuốc thử, các thành phần điện tử và chất lỏng cần thiết để phân tích các mẫu bệnh nhân và QC cũng như để hiệu chuẩn hệ thống máy khí máu, thực hiện cho 400 mẫu: - Các thuốc thử bao gồm: + Gồm các khí (oxy, carbon dioxide, nitơ), muối (kiềm halogenua), chất đệm hữu cơ, lactate, thuốc nhuộm, kali clorua, bạc clorua chất hoạt động bề mặt và chất bảo quản. + Các cảm biến trong hộp đo dành cho hệ thống khí máu có khả năng đo pH, pO2, pCO2, Na+, K+, Ca++, Cl-, glucose, lactate, hemoglobin toàn phần, oxyhemoglobin, deoxyhemoglobin, methemoglobin, carboxyhemoglobin và bilirubin sơ sinh. Mỗi hộp đo sử dụng ổn định trong 28 ngày sau khi lắp đặt vào hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C	Test	6.000
2	Hoá chất rửa thải máy khí máu	G7	Hộp chất rửa/thải có chứa thuốc thử rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn, gồm các khí (oxy, carbon dioxide, nitơ), muối (kiềm halogenua), chất hoạt động bề mặt và chất bảo quản. Hộp chất rửa/thải cũng lưu trữ chất thải lỏng. Mỗi cartridge rửa thải sử dụng ổn định trong 10 ngày sau khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ phòng (không quá 25°C), hoặc trong môi trường lạnh (2-8°C)	Bộ	48
3	Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dành cho máy khí máu	G7	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho pH, khí máu, điện giải , Co-ox và các chất chuyển hóa: glucose, lactate. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp./ ISO 13485; CE	Lọ	120
4	Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dành cho máy khí máu	G7	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho pH, khí máu, điện giải , Co-ox và các chất chuyển hóa: glucose, lactate. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp./ ISO 13485; CE	Lọ	120

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
5	Hoá chất kiểm chuẩn mức 3 dành cho máy khí máu	G7	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho pH, khí máu, điện giải , Co-ox và các chất chuyển hóa: glucose, lactate. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp./ ISO 13485; CE	Lọ	120
6	Dung dịch rửa đầu dò 3	G7	Mục đích sử dụng: Được sử dụng trong chẩn đoán IVD Thành phần: Sodium hypochlorite (0,5%), sodium hydroxide (≤ 0,5%). Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	3
7	Dung dịch rửa đầu dò 1	G7	Mục đích sử dụng: Được sử dụng trong chẩn đoán IVD Thành phần: sodium hydroxide (0.4N), Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	5
8	Hóa chất xét nghiệm Hs Troponinl (bao gồm hóa chất hiệu chuẩn)	G7	-Mục đích: định lượng troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người '-Thành phần: '+ Thuốc thử Lite: albumin huyết thanh bò (BSA) được cộng hợp với Fab đơn dòng tái tổ hợp kháng cTnI người (~0,2–0,4 µg/mL); '+ Thuốc thử pha rắn: 0,45 mg/mL hạt từ latex phủ streptavidin với 2 kháng thể đơn dòng kháng troponin I (của chuột và cừu); '+ Chất hiệu chuẩn TNIH mức cao: hoàn nguyên huyết thanh người có cTnI người; '+ Chất hiệu chuẩn TNIH mức thấp: dung dịch đệm HEPES có albumin huyết thanh bò (BSA) '-Dải đo: 2,50–25.000,00 pg/mL (ng/L) Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	39.000
9	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 1	G7	Được sản xuất từ dịch, huyết thanh người Nội kiểm được các thông số xét nghiệm sau: NT-proBNP, BNP, hs CRP, Troponin I (mức 1). Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	18
10	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 2	G7	Được sản xuất từ dịch, huyết thanh người Nội kiểm được các thông số xét nghiệm sau: NT-proBNP, BNP, hs CRP, Troponin I (mức 2). Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	18

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
11	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 3	G7	Được sản xuất từ dịch, huyết thanh người Nội kiểm được các thông số xét nghiệm sau: NT-proBNP, BNP, hs CRP, Troponin I (mức 3). Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	18
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	G7	- Mục đích sử dụng: định lượng triiodothyronine tự do (FT3) trong huyết thanh - Thành phần: + Thuốc thử Lite: Kháng thể kháng T3 đơn dòng ở chuột (~8 ng/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm HEPES; chất ổn định protein; natri azit (0,1%) + Pha rắn: Chất tương tự T3 (~1,6 µg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm HEPES; natri azit (0,1%) - Khoảng đo: 0.2–20 pg/mL Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	7.500
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	G7	- Mục đích sử dụng: định lượng thyroxine tự do (FT4) trong huyết thanh hoặc huyết tương (có chứa heparin hoặc EDTA) . - Thành phần: + Thuốc thử Lite: T4 được gắn nhãn acridinium ester (~0,2 µg/mL) trong chất đệm natri barbital (1,03%) + Pha rắn: Kháng thể thỏ kháng T4 đa dòng được biotin hóa (~0,525 µg/mL) - Khoảng đo:0.1–12 ng/dL Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	7.500

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
14	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	G7	- Mục đích sử dụng: dùng trong xét nghiệm định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH, thyrotropin) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin). - Thành phần: + Thuốc thử Lite: Albumin huyết thanh bò (BSA) kết hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng ở chuột (~0,3 µg/mL) đánh dấu acridinium ester trong dung dịch muối đệm chất HEPES; IgG chuột; BSA; huyết thanh dê; chất hoạt tính bề mặt; các chất bảo quản + Pha rắn: Kháng thể kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ (~85 µg/mL) trong muối đệm HEPES; BSA; huyết thanh dê; chất hoạt tính bề mặt; các chất bảo quản + Thuốc thử phụ trong giếng: FITC liên hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng ở chuột (~3 µg/mL) trong muối đệm HEPES; IgG chuột; BSA; huyết thanh dê; chất hoạt tính bề mặt; các chất bảo quản + Lọ chất hiệu chuẩn TSH3-UL CAL: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH) cao và thấp trong đệm HEPES; huyết thanh ngựa; natri azit (≤ 0,1%); các chất bảo quản '-Dải đo: 0,008–150 µIU/mL (mIU/L) Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	7.500
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3, T3 tự do, T4, T4 tự do, Theophylline, đánh giá T-Uptake	G7	- Mục đích sử dụng: Chỉ dùng chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn các xét nghiệm: FT3, T3, T4, Tup, FT4, THEO2 - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ thấp hoặc cao các chất FT3, T3, T4, Tup, FT4, THEO2 trong huyết tương người có sodium azide (0,2%), chất bảo quản và chất ổn định protein. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	4
16	Control cho các xét nghiệm Anti HCV	G7	-Mục đích sử dụng: chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm HCV '-Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với anti-HCV có chất bảo quản. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	4
17	Control cho các xét nghiệm HBsAg	G7	-Mục đích sử dụng: Để theo dõi hiệu năng của các xét nghiệm HBsAg, HBsAgII và HBsAg Confirmatory '-Thành phần: Huyết tương người được tái hấp thụ canxi dương tính và âm tính với HBsAg có chất bảo quản. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	4

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
18	Hóa chất xét nghiệm HBsAg (Có bao gồm hóa chất hiệu chuẩn)	G7	-Mục đích: dùng chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người '-Thành phần: '+ Thuốc thử Lite: kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBsAg được đánh dấu bằng acridinium ester (~0,6 µg/mL) '+ Thuốc thử pha rắn: các hạt từ latex được bọc bằng streptavidin (60 mg/dL) '+Thuốc thử bổ sung: kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBsAg đã biotinyl hóa (~2,0 µg/mL) và kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBsAg được đánh dấu bằng acridinium ester (~0,3 µg/mL) '+Chất hiệu chuẩn nồng độ cao: HBsAg người đã tinh sạch trong dung dịch đệm có natri azit (< 0,1%) '+Chất hiệu chuẩn nồng độ thấp: dung dịch đệm có natri azit (< 0,1%) '-Khoảng đo: Chỉ số từ 0,1–1000. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	7.200
19	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng virus viêm gan C	G7	-Mục đích: dùng chẩn đoán in vitro để phát hiện định tính kháng thể immunoglobulin G (IgG) kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh hoặc huyết tương người '-Thành phần: '+ Thuốc thử Lite: kháng thể đơn dòng kháng IgG của người (~0,05 µg/mL) '+ Thuốc thử pha rắn: ccác vi hạt thuận từ được bọc bằng streptavidin đã được tạo từ trước với kháng nguyên tái tổ hợp c200 của HCV đã biotinyl hóa và kháng nguyên tổng hợp c22p của HCV đã biotinyl hóa (~0,3 µg/mL) '+Thuốc thử bổ sung: kháng nguyên tái tổ hợp NS5 của HCV đã biotinyl hóa (~0,5 µg/mL) '+Thuốc thử bổ sung: albumin huyết thanh bò, huyết thanh dê, natri azit (< 0,1%) '+Chất hiệu chuẩn: huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HCV có chất bảo quản '-Khoảng đo: Chỉ số từ 0,0–11,0. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	7.200

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
20	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên p24 virus HIV và kháng thể kháng virus HIV tuýp 1 bao gồm nhóm O và tuýp 2	G7	-Mục đích: dùng chẩn đoán in vitro để định tính đồng thời kháng nguyên p24 của vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người và kháng thể kháng vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người tuýp 1 (bao gồm cả nhóm "O") và tuýp 2, trong huyết thanh và huyết tương '-Thành phần: '+ Thuốc thử Lite: kháng nguyên tái tổ hợp của HIV (~0,1 µg/mL) và kháng thể kháng HIV (~0,004 µg/mL) '+ Thuốc thử pha rắn: các vi hạt thuận từ được bọc bằng streptavidin đã được tạo từ trước với kháng nguyên HIV (~2,0 µg/mL) và kháng thể kháng HIV (~3,0 µg/mL) '+Thuốc thử Lite bổ sung: kháng nguyên tái tổ hợp của HIV (~1,0 µg/mL) và kháng thể kháng HIV (~1,5 µg/mL) '+Chất hiệu chuẩn: huyết tương người đã xử lýa âm tính với kháng thể kháng HIV và được pha thêm với kháng thể kháng HIV-1, '-Khoảng đo: Chỉ số từ 0,05–12,0. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	7.200
21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3, T3 tự do, T4, T4 tự do, Theophylline, đánh giá T-Uptake	G7	- Mục đích sử dụng: Chỉ dùng chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn các xét nghiệm: FT3, T3, T4, Tup, FT4, THEO2 - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ thấp hoặc cao các chất FT3, T3, T4, Tup, FT4, THEO2 trong huyết tương người có sodium azide (0,2%), chất bảo quản và chất ổn định protein. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	3
22	Dung dịch rửa 1	G7	- Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa hệ thống - Bảo quản: 4–25ºC - Thành phần: Dung dịch nước muối sinh lý đệm photphat có natri azit (≤ 0,1%) và chất hoạt động bề mặt. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	120
23	Acid and Base	G7	-Mục đích sử dụng: Được sử dụng trong chẩn đoán IVD '-Thành phần: Acid Reagent: Hydrogen Peroxide 0.5%, Nitric acid: 0,1 N; Base reagent: Sodium Hydroxide <0.25N. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	24

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
24	Nắp đậy	G20	Mục đích sử dụng: Cốc/nắp đo phản ứng dùng trên hệ thống xét nghiệm - Bảo quản:: 2 - 25°C Thành phần: bằng nhựa tron, dùng 1 lần Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Thùng	24
25	Đầu tip	G20	Mục đích sử dụng: Đầu côn hút mẫu dùng trên hệ thống xét nghiệm - Bảo quản: 2 - 25°C Thành phần: Đầu côn hút mẫu bằng nhựa dùng một lần Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	15
26	Cóng đo	G20	Mục đích sử dụng: Cóng đo phản ứng dùng trên hệ thống xét nghiệm - Bảo quản: 2 - 25°C Thành phần: Cóng đo phản ứng bằng nhựa dùng 1 lần. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Hộp	36
27	Dung dịch tẩy rửa máy	G7	Mục đích sử dụng: Được sử dụng trong chẩn đoán IVD Thành phần: sodium hydroxide (~0.82 mol/L) Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Lọ	60

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
28	Thuốc thử xét nghiệm và định tính các kháng thể toàn phần kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B	G7	- Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng và định tính các kháng thể toàn phần kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin) '- Thành phần: Gói thuốc thử chính: '+Thuốc thử Lite: Kháng nguyên bề mặt viêm gan B đã bất hoạt ở người (phân nhóm ad và ay) (~1 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm chứa protein; albumin huyết thanh bò; chất hoạt tính bề mặt; chất bảo quản '+Pha rắn: Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tái tổ hợp, phân nhóm ad và ay (~3 µg/mL) được liên kết với các hạt latex từ tính trong chất đệm chứa protein; albumin huyết thanh bò; chất hoạt tính bề mặt; chất bảo quản '+ Thuốc thử phụ trong giếng: Các hạt latex không từ tính trong dung dịch đệm tris; '+Chất hiệu chuẩn: Huyết tương người đã xử lý dương tính với các kháng thể kháng HBsAg; - Khoảng đo: 3,1–1000,0 mIU/mL. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Test	2.000
29	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm và định tính các kháng thể toàn phần kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B	G7	- Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong việc theo dõi hiệu năng của xét nghiệm aHBs2 - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với các kháng thể kháng HBsAg. Phù hợp với máy ADVIA CENTAUR CP	Ml	80
30	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	G7	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Bảo quản ở 15 - 25ºC. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50	Test	1.200

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
31	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	G7	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50 - Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO): Enterobacteriaceae, Acinetobacter và Pseudomonas trong vòng 6 -11 giờ. - Phân CPO thành nhóm Ambler A,B hoặc D. - Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam. - Bảo quản ở 15 - 25ºC.	Test	600
32	Canh trường định danh	G7	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm trong xét nghiệm định danh và xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương và vi nấm. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50	Ống	2.520
33	Canh trường kháng sinh đồ	G7	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50	Ống	3.480
34	Chỉ thị kháng sinh đồ	G7	- Được sử dụng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50	Lọ	42
35	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	G7	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50. Bảo quản ở 15 - 25ºC.	Test	120
36	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Strep	G7	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50. Bảo quản ở 15 - 25ºC.	Test	120
37	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	G7	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50. Bảo quản ở 15 - 25ºC.	Test	480

STT	Tên hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Mô tả thông số, cấu hình	Đ.V.T	Số lượng
38	Canh trường kháng sinh đồ cho vi khuẩn Strep	G7	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50. Bảo quản ở 2 - 25ºC.	Ống	120
39	Chỉ thị kháng sinh đồ cho vi khuẩn Strep	G7	- Được sử dụng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus. Phù hợp với máy nuôi cấy KSĐ PHOENIX™ M50. Bảo quản ở 2 - 8ºC.	Lọ	14
40	Hóa chất sử dụng cho máy CLA-1 test 36 dị ứng nguyên	G7	Thành phần chính: Wash Buffer Concentrate One bottle, 50 ml Solution that when diluted contains 0.01 M phosphate-buffered saline, 0.1% Tween 20, and 0.001% sodium azide as preservative Antibody Reagent One bottle, 16 ml Solution containing: Blue-colored solution containing Enzymelabeled goat anti-human IgE, 0.01 M phosphate-buffered saline, pH 7.2, protein stabilizers, 0.1% Proclin® as a preservative. Photoreagent AB One bottle, 8 ml Solution containing: 7-15 mM 3-aminophthalhydrazide (luminol), 5-25µM Enhancer and 0.025 M Borate Buffer, pH 9.4 Photoreagent CD One bottle, 8 ml Dùng cho máy CLA-1 Luminometer Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	30